

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/DS-PT

Ngày: 31-7-2020

V/v “Tranh chấp **hợp đồng đặt cọc**”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Kim Sang;

2. Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 và ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp **hợp đồng đặt cọc**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị Th, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 09, hẻm 01, đường Phan Văn Đ, khu phố 2, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 24, đường PCK, khu phố 1, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Bùi Thị Mỹ H:* Ông Nguyễn Văn R, Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn R, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Chị Bùi Thị Mỹ H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-4-2019; đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28-5-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tô Thị Th trình

bày: Chị được anh Võ Duy H giới thiệu, nên biết được chị Bùi Thị Mỹ H cần chuyển nhượng phần đất chiều rộng 15 m, chiều dài hết đất, tại thửa số 39, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Sau khi tự đi xem đất và đồng ý chuyển nhượng, ngày 16-01-2019 chị và anh H đến nhà gặp chị H để thương lượng, hai bên thống nhất giá chuyển nhượng đất 45.000.000 đồng/ 01 m chiều rộng và chị đã đặt cọc cho chị H số tiền 73.000.000 đồng, tổng giá trị phần đất chuyển nhượng hai bên thỏa thuận là 675.000.000 đồng, chị H có giảm bớt cho chị 2.000.000 đồng nên chị còn phải trả 673.000.000 đồng. Khấu trừ tiền đặt cọc, chị còn phải thanh toán cho chị H 600.000.000 đồng khi chị H hoàn tất thủ tục sang nhượng.

Khoảng 02 tháng sau khi đặt tiền cọc, chị H vẫn không làm thủ tục sang nhượng đất cho chị, mà đòi ý nâng giá chuyển nhượng đất lên 55.000.000 đồng/ 01 m chiều rộng do đường phía trước đất chuyển nhượng đang nâng cấp bằng bê tông. Chị H đồng ý trả lại tiền cọc 73.000.000 đồng và bồi thường 73.000.000 đồng, nên hai bên thỏa thuận hủy hợp đồng đặt cọc ngày 16-01-2019. Sau đó, ngày 20-3-2019 hai bên ký hợp đồng đặt cọc khác, vẫn thỏa thuận chuyển nhượng phần đất trên, số tiền chị đặt cọc cho chị H lần này là 200.000.000 đồng, trong đó chị đưa thêm cho chị H 54.000.000 đồng, còn số tiền 146.000.000 đồng là tiền đặt cọc và phạt cọc ngày 16-01-2019. Theo nội dung của hợp đồng đặt cọc ngày 20-3-2019, hai bên thống nhất sau 20 ngày kể từ ngày đặt cọc chị H thực hiện xong trích đo thửa đất và hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng, chị sẽ thanh toán số tiền còn lại.

Sau đó, chị H một mình yêu cầu cơ quan chuyên môn đến trích đo tách thửa đất mà không thông báo cho chị biết. Ngày 08-4-2019, hai bên gặp nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB, huyện TB để làm thủ tục chuyển nhượng, thì chị phát hiện thửa đất chị H đo tách thửa sang nhượng cho chị không đúng vị trí đất đã thỏa thuận, vì chỉ phía trước giáp đường đủ 15 m chiều rộng, còn phần giữa đất rộng 11 m, phần hậu phía sau rộng 13 m nên chị không đồng ý và yêu cầu chị H thực hiện đúng theo thỏa thuận trước đó, nhưng chị H không đồng ý và có ý kiến, nếu chị không trả tiền chuyển nhượng đất đúng hạn thì mất tiền đặt cọc. Do chị H không thực hiện đúng thỏa thuận, nên chị yêu cầu chị H trả lại tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và bồi thường tiền cọc 200.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng.

Bị đơn chị Bùi Thị Mỹ H trình bày: Chị có phần đất diện tích 1.679 m², có nguồn gốc cha, mẹ ruột tặng cho riêng chị và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng đầu tháng 01/2019, anh H và chị Th có đến nhà chị để thương lượng nhận chuyển nhượng phần đất chiều rộng mặt giáp đường 15 m, còn chiều rộng mặt hậu không thỏa thuận bao nhiêu mét, nhưng theo chị mặt hậu phía sau rộng bao nhiêu mét thì không cần thiết, cũng không nói rõ phần đất chuyển nhượng ở vị trí nào của thửa đất số 39, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại khu phố 6, thị trấn TB, huyện TB. Giá thỏa thuận chuyển nhượng 45.000.000 đồng/ 01 m chiều rộng và chị Th đã đặt cọc cho chị 73.000.000 đồng, giá trị phần đất chuyển nhượng 675.000.000 đồng. Sau khi nhận cọc chuyển nhượng đất chị có lên thị trấn TB là thủ tục sang nhượng đất cho chị Th, nhưng chị Th không đến nên chị đến thăm phần đất, lúc này chị phát hiện đường phía trước đất đang làm nhựa, nhưng chị Th không nói thật nên chị yêu cầu hủy việc chuyển nhượng đất, trả lại tiền đặt cọc và bồi thường cọc cho chị Th.

Ngày 20-3-2019, chị và chị Th tiếp tục thỏa thuận chuyển nhượng lại phần đất trên với giá 55.000.000 đồng/ 01 m chiều rộng, hai bên làm lại giấy đặt cọc mới và thỏa thuận trong thời gian 20 ngày chị sẽ hoàn tất thủ tục chuyển nhượng đất cho chị Th. Theo giấy đặt cọc, chị Th giao cho chị 200.000.000 đồng, nhưng thực tế chị Th chỉ giao số tiền 54.000.000 đồng cộng với tiền cọc 60.000.000 đồng lần trước chị đang giữ. Chị đã tách thửa phần đất chiều rộng giáp đường 15 m, chiều dài hết đất để chuyển nhượng cho chị Th, chị đã thực hiện đúng với thỏa thuận giữa hai bên, việc chuyển nhượng đất không thành là do lỗi của chị Th, chị không có lỗi nên không đồng ý trả lại tiền đặt cọc và bồi thường tiền cọc theo yêu cầu của chị Th.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 328 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Th đối với chị Bùi Thị Mỹ H về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Buộc chị Bùi Thị Mỹ H trả lại cho chị Tô Thị Th số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và tiền phạt cọc 200.000.000 đồng. Tổng cộng 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25-11-2019, chị Bùi Thị Mỹ H kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án số: 92/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố TN, với nội dung chị không đồng ý trả lại cho chị Th tiền đặt cọc 200.000.000 đồng; không đồng ý phạt một lần tiền cọc 200.000.000 đồng và không đồng ý chịu án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu chị H trả lại cho chị tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và phạt cọc 200.000.000 đồng, tổng cộng 400.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H cho rằng, khi thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa hai bên, chị Th là người viết “Giấy mua bán đặt cọc đất” nhưng không ghi rõ ràng, có sự nhầm lẫn về vị trí phần đất chuyển nhượng, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng đất giữa chị Th và chị H vô hiệu, chị H trả lại chị Th tiền đặt cọc 200.000.000 đồng, mà không phải phạt cọc theo yêu cầu của chị Th.

Chị H thống nhất với phần tranh luận của Luật sư, không bổ sung thêm. Tại phiên tòa chị H rút một phần kháng cáo đối với số tiền cọc 200.000.000 đồng chị đồng ý trả lại cho chị Th và đồng ý chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu Ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, chị H rút một phần kháng cáo đồng ý trả lại tiền cọc cho chị Th và nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật; chị H giữ nguyên nội dung kháng cáo không đồng ý phạt cọc 200.000.000 đồng, nhưng xét thấy việc không chuyển nhượng được phần đất theo thỏa thuận “Giấy mua bán đặt cọc đất” ngày 20-3-2019 là do lỗi của chị H. Chị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh là không có lỗi trong việc thỏa thuận này, nên chị H có trách nhiệm trả lại cho chị Th tiền đặt cọc và phạt một lần tiền cọc, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 328 Bộ luật dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện ngày 02-4-2019 chị Tô Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Bùi Thị Mỹ H tiếp tục chuyển nhượng phần đất chiều rộng 15 m, dài hết đất tại thửa số 39, tờ bản đồ số 27, tọa lạc khu phố 6, thị trấn TB, sau đó ngày 28-5-2019, chị Th có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, đơn thay đổi này chị Th yêu cầu chị H trả lại chị tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và bồi thường một lần tiền cọc 200.000.000 đồng, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

[2] Chị Bùi Thị Mỹ H có phần đất diện tích 1.769 m², tại thửa số 39, tờ bản đồ số 27, tọa lạc khu phố 6, thị trấn TB, được Ủy ban nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: H00299/503/04/QĐ-UB ngày 16-02-2005. Tại Công văn số: 686/UBND-PTNMT ngày 21-7-2020 của Ủy ban nhân dân huyện TB, thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích trên là cấp cho hộ bà Bùi Thị Mỹ H và ông Võ Thành Ph là chồng của bà H, đến ngày 22-10-2015 Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh TB điều chỉnh thông tin người sử dụng đất từ “Hộ bà Bùi Thị Mỹ H” thành “Bà Bùi Thị Mỹ H” trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn TB ngày 21-10-2015; tại biên bản lấy lời khai anh Võ Thành Phương ngày 12-6-2020 và biên bản lấy lời khai của Võ Thành Hiếu T là con anh Ph, chị H đều xác định diện tích 1.769 m² là tài sản riêng chị H, chị H có quyền định đoạt. Từ những chứng cứ trên, xác định diện tích 1.769 m², tại thửa số 39, tờ bản đồ số 27, tọa lạc khu phố 6, thị trấn TB, huyện TB là tài sản riêng của chị H.

[3] Ngày 16-01-2019, chị H và chị Tô Thị Th ký “Giấy cọc tiền đất”, nội dung chị Th đặt cọc cho chị H số tiền 73.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng phần đất chiều rộng 15 m, chiều dài hết đất, số tiền còn phải trả sau khi hoàn thành thủ tục chuyển nhượng là 600.000.000 đồng; nếu bên bán không tiếp tục chuyển nhượng đất phải bồi thường gấp đôi số tiền đặt cọc, còn bên mua không tiếp tục nhận chuyển nhượng thì mất tiền đặt cọc. Do chị H không tiếp tục thực hiện chuyển nhượng phần đất trên cho chị Th, nên chị H chấp nhận trả lại tiền cọc và một khoản tiền tương ứng tổng cộng là 146.000.000 đồng.

[4] Ngày 20-3-2019, chị H và chị Th tiếp tục ký “Giấy mua bán đặt cọc đất” mới, nội dung thể hiện chị H nhận cọc tiền đất do chị Th giao 200.000.000 đồng để

chuyển nhượng cho chị Th phần đất chiều rộng 15 m, chiều dài hết đất với giá 825.000.000 đồng cũng tại một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ số 27, tọa lạc khu phố 6, thị trấn TB, huyện TB. Hai bên thỏa thuận, chị H làm thủ tục tách thửa và thủ tục sang nhượng phần đất chậm nhất là 20 ngày; nếu chị Th không tiếp tục nhận chuyển nhượng đất thì mất cọc; chị H nếu từ chối việc chuyển nhượng đất thì đền cọc gấp 02 lần.

[5] Ngày 08-4-2019, hai bên gặp nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn TB để làm thủ tục chuyển nhượng đất, nhưng chị Th không đồng ý, vì phần đất chị H tách thửa chuyển nhượng không đúng với giấy đặt cọc. Chị H trình bày, đã tách thửa phần đất chuyển nhượng cho chị Th chiều rộng giáp đường 15 m, chiều dài hết đất là đúng theo thỏa thuận, còn chiều rộng mặt hậu phía sau dài bao nhiêu mét không cần thiết là không đúng với nội dung giấy đặt cọc, vì chị H thống nhất chuyển nhượng cho chị Th phần đất chiều rộng giáp đường 15 m, dài hết đất, thì phải từ trước đến sau có chiều rộng là 15 m, theo kết quả trích đo chính lý bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh - Chi nhánh TB ngày 26-3-2019, thửa đất được tách ra một phần từ thửa số 39 là thửa số 105, tờ bản đồ số 27 có các số đo, phần giáp đường 15 m, phía sau hậu 13 m, phần giữa đất rộng không đến 13 m là không đúng vị trí, diện tích thửa đất mà các bên thỏa thuận theo “Giấy mua bán đặt cọc đất” ngày 20-3-2019, trong khi toàn bộ thửa đất số 39 của chị H có chiều rộng giáp đường dài 33 m, chiều rộng mặt hậu dài 26,7 m.

[6] Phần đất chị H tách thửa để chuyển nhượng cho chị Th không đủ kích thước, không đủ diện tích theo thỏa thuận nên chị Th có quyền từ chối giao kết thực hiện hợp đồng. Việc hai bên không tiếp tục ký kết được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lỗi thuộc về chị H. Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H cho rằng, khi thỏa thuận chuyển nhượng đất không ghi rõ ràng, có sự nhầm lẫn về vị trí phần đất là không đúng, mà các bên thống nhất chuyển nhượng phần đất chiều rộng 15 m, chiều dài hết đất như đã nhận định trên. Do chị H có lỗi, nên chị H có nghĩa vụ trả lại tiền đặt cọc 200.000.000 đồng và phải chịu tiền phạt cọc 200.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Th, được quy định tại khoản 2 Điều 328 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H rút một phần kháng cáo đối với số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng chị đồng ý trả chị Th và đồng ý nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật, **nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo chị H đã rút.**

[7] Chị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phạt cọc 200.000.000 đồng của chị Th, nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh chị Th có lỗi, nên không có cơ sở để xem xét.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H.

[9] Tại phiên tòa, chị H đồng ý trả lại tiền đặt cọc cho chị Th 200.000.000 đồng, nhưng không đồng ý tiền phạt cọc 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử chấp nhận phạt cọc 200.000.000 đồng, nên chị H phải chịu án phí trên số tiền phạt cọc như trường hợp có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại.

[10] Do kháng cáo không được chấp nhận, nên chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 328 Bộ luật dân sự; Điều 147, 148, **điểm c khoản 1 Điều 289** Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Mỹ H; **sửa bản án sơ thẩm.**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tô Thị Th đối với chị Bùi Thị Mỹ H về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Buộc chị Bùi Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả lại cho chị Tô Thị Th tiền đặt cọc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) và tiền phạt cọc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu). Tổng cộng 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu).

Kể từ ngày chị Th có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần rút yêu cầu kháng cáo của chị Bùi Thị Mỹ H đối với tiền đặt cọc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) và đồng ý nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Bùi Thị Mỹ H phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Tô Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Th 10.300.000 đồng (mười triệu, ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo 02 biên lai số 0006183, ngày 04-4-2019 và biên lai số 0006344, ngày 28-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu số 0001960 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- CCTHADS huyện TB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ

